| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN M'ĐRẮK**<br>TỈNH ĐẮK LẮK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 9 - 2018
"V/v: Ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Đức Hợi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Võ; Ông Nguyễn Văn Hợi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Triệu Thị N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Triệu Tiến L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962. Địa chỉ: Khối M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Bà L vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2018 và các lời khai của nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày:*

Chị Triệu Thị N tự nguyện chung sống với anh Triệu Tiến L từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị N và anh L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh L không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Chị và anh L đã không sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm giữa hai người không còn, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L.

Chị N và anh L có một con chung là Triệu Tài T, sinh ngày 24/6/2012. Hiện anh L đang nuôi con chung nên chị N đồng ý để anh L tiếp tục trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con thành niên.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn:* Anh Triệu Tiến L từ chối làm việc, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, nhưng anh L vẫn không cung cấp cho Tòa án một tài liệu chứng cứ nào liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

***** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng liên quan, đảm bảo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, các đương sự không đăng ký kết hôn, nên không công nhận quan hệ vợ chồng. Về con chung cần tiếp tục giao cho anh L được chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[**1**] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn E, xã C, huyện M'Đrắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[**2**] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị N và anh Triệu Tiến L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, mặc dù anh chị có đủ điều kiện để kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân và Gia đình. Qúa trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 14 và Điều 53 luật Hôn nhân và Gia đình để tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị N và anh L. Về con chung và tài sản chung cần áp dụng Điều 15, Điều 16 luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[**3**] Về con chung: Chị N và anh L có một con chung là Triệu Tài T sinh ngày 24/6/2012. Chị N đồng ý để cho anh L tiếp tục nuôi con sau khi anh chị được tòa án giải quyết ly hôn. Xét yêu cầu của chị N là phù hợp, bởi con chung của anh chị hiện nay đang sinh sống và học hành ổn định cùng với anh L. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con, HĐXX cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để tiếp tục giao con cho anh L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con cho đến khi thành niên.

[**4**] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Trong trường hợp tranh chấp xảy ra sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện riêng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nếu các đương sự có yêu cầu.

[**5**] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 147, 220 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, 15, 16, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Triệu Thị N và anh Triệu Tiến L là vợ chồng.

**2**. Về con chung: Giao cho anh L trực tiếp nuôi con Triệu Tài T, sinh ngày 24/6/2012 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

**3**. Về án phí: Chị Triệu Thị N phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006071 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***
*-TAND tỉnh ĐắkLắk;*
*-VKSND huyện M'Đrắk;*
*-THADS huyện M'Đrắk;*
*-UBND xã Cư San, M'Đrắk;*
*-Đương sự;*
*-Lưu HS.*

**Võ Đức Hợi**